

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 49/CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM/2021
(TCCS 49:2021/NVL)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**

Địa chỉ: **SỐ 7, ĐƯỜNG 17A, KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 2, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM.**

Điện thoại: **02513 -836601**

Fax: **02513-836602**

E-mail:.....

Mã số doanh nghiệp: 3600235305

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 038/2020/ATTP-CNĐK / Ngày cấp:

12/02/2020/ Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm – Sở Y tế tỉnh Đồng Nai

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định).

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **SÔCÔLA VIÊN SMARTIES**

2. Thành phần: Đường, sữa đặc, bơ cacao, cacao dạng khối, bột lúa mì, chất béo thực vật (có chứa chất nhũ hóa lecithin đậu nành), tinh bột gạo, chất nhũ hóa (lecithin đậu nành, 476), màu tự nhiên dùng cho thực phẩm (carmin, beta-caroten, anthocyanin, phức đồng chlorophyllin, tumeric), hương vani tự nhiên, chất làm bóng (903, 901), bột tảo spirulina.

Sản phẩm có chứa sữa, đậu nành và lúa mì.

Sản phẩm chứa 62% sôcôla sữa và 38% lớp vỏ giòn

Sôcôla sữa có tối thiểu 22% cacao, và tối thiểu 25% sữa

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ tháng sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói: 50 g/ hộp, 288 hộp / thùng

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì giấy, sau đó hộp giấy được đóng vào thùng carton.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty Nestlé Australia Ltd - Campbellfield, 1585 Hume Highway, Campbellfield, VIC 3061, Úc.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Có nhãn đính kèm

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.8)

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.11, 2.23, 3.29, 4.8)

- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm (mục 1.2)

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- Quyết định số 38/2018/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm

- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 29 tháng 4 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Trung Kiên

Trưởng phòng kinh doanh phát triển ngành hàng





Nội dung ghi nhãn của sản phẩm

(Nhãn phụ của sản phẩm)

SÔCÔLA VIÊN SMARTIES

Thành phần: đường, sữa đặc, bơ cacao, cacao dạng khối, bột lúa mì, chất béo thực vật (có chứa chất nhũ hóa lecithin đậu nành), tinh bột gạo, chất nhũ hóa (lecithin đậu nành, 476), màu tự nhiên dùng cho thực phẩm (carmin, beta-caroten, anthocyanin, phức đồng chlorophyllin, tumeric), hương vani tự nhiên, chất làm bóng (903, 901), bột tảo spirulina.

Sản phẩm có chứa sữa, đậu nành và lúa mì.

Sản phẩm chứa 62% sôcôla sữa và 38% lớp vỏ giòn

Sôcôla sữa có tối thiểu 22% cacao, và tối thiểu 25% sữa

Khối lượng tịnh: 50 g

NSX: 12 tháng trước hạn sử dụng (HSD)

HSD: Xem “BEST BEFORE END” trên bao bì sản phẩm

Hướng dẫn sử dụng: Ăn trực tiếp.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.

Lưu ý: Trẻ em dưới 4 tuổi khả năng nhai hạn chế có thể bị mắc nghẹn các mảnh nhỏ. Không sử dụng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

Xuất xứ: Úc

Sản xuất bởi: Công ty Nestlé Australia Ltd - Campbellfield, 1585 Hume Highway, Campbellfield, VIC 3061, Úc.

Thương nhân nhập khẩu và tự công bố: Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai, Việt Nam.

Tư vấn khách hàng: 1800-6699 (miễn phí cuộc gọi)

Tiêu chuẩn sản phẩm số: TCCS 49:2021/NVL

3
N
V
S
T
N
-T

KT3-02613ATP1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/04/2021
Page 01/02

1. Tên mẫu : **SÔCÔLA VIÊN SMARTIES**
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 07/04/2021
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 08/04/2021 – 19/04/2021
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**
Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hòa, Đồng Nai
Customer
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / *See page 02/02*
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-02613ATP1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/04/2021
 Page 02/02



7. Kết quả thử nghiệm :
 Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo Limit of Detection/ Range of measurement	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng arsen tổng số, mg/kg Total arsenic content	TCVN 8427 : 2010	1,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.2. Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadmium content	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	3,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.3. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	3,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.4. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg Mercury content	QTTN/KT3 064 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	1,50 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.5. Hàm lượng aflatoxin M1, µg/kg Aflatoxin M1 content	QTTN/KT3 242 : 2019	0,02	Không phát hiện Not detected
7.6. Hàm lượng melamin, mg/kg Melamine content	QTTN/KT3 051: 2018 (Ref: TCVN 9048:2012)	0,1	Không phát hiện Not detected
7.7. Enterobacteriaceae, CFU/g	ISO 21528-2 : 2017	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.8. Salmonella spp/ 25 g	ISO 6579-1:2017	-	Không phát hiện Not detected
7.9. Staphylococci coagulase dương tính (Staphylococcus aureus và các loài khác), CFU/g	ISO 6888-1:1999 Amd 1-2003	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.10. Staphylococcal enterotoxin/25g	ISO 19020 : 2017	-	Không phát hiện Not detected
7.11. Listeria monocytogenes, CFU/g	ISO 11290 – 1 : 2017	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than

Ghi chú/ Notes:

(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

